



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bản vật liệu(207113) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV301

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số ± %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115154	Phan Thị Thúy	ái	DH13CB			1.5	1.5	3	001234567890	0123456789
2	13334001	Võ Ngọc	An	CD13CI			1	1	1	001234567890	0123456789
3	14154001	Lưu Đức Trường	An	DH14OT			1	1	1	001234567890	0123456789
4	13115150	Trần Thị Lan	Anh	DH13CB			2.5	0.5	3	001234567890	0123456789
5	13118075	Vũ Văn	Anh	DH13CC			1.5	0.5	2	001234567890	0123456789
6	13153036	Nguyễn Xuân	ắt	DH13CD	A+		1	5	6	001234567890	0123456789
7	13334018	Nguyễn Văn	Cánh	CD13CI			1.5	4	5.5	001234567890	0123456789
8	13115194	Trần Thiên	Đức	DH13CB			1	1.5	2.5	001234567890	0123456789
9	13118096	Mai Thành	Duy	DH13CC			1	3	4	001234567890	0123456789
10	14154009	Nguyễn Hoài	Duy	DH14OT			0.5	1.5	2	001234567890	0123456789
11	13115180	Trần Thị ái	Duyên	DH13CB	Duyên	1	1	1	3	001234567890	0123456789
12	13115198	Đinh Bá	Hà	DH13CB			2.5	0.5	3	001234567890	0123456789
13	13115032	Tiểu Thị	Hậu	DH13CB			1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
14	13115206	Bùi Thị ái	Hậu	DH13GN	Hậu		3	5	8	001234567890	0123456789
15	13137055	Nguyễn Thanh	Hiền	DH13NL			2.5	2.5	5	001234567890	0123456789

0000000000

Trang 2/6

Mã nhận dạng 04074

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Số thí sinh 3

Môn Học/Nhóm Séc bên vật liệu(207113) - DH13CB_01 - DH13CB_01

Phòng Thi TV301

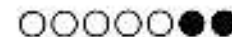
Ngày Thi 26/01/2016

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

STT	MA SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	B.S %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 16
16	13115036	Võ Văn Hiệp	DH13CB	Hiệp		3	3	3	6	001234567890	001234567890
17	13334070	Thái Minh Hiệp	CD13CI	Hiệp		3	5.5	5.5	8.5	001234567890	001234567890
18	10137002	Thái Nguyên Hòa	DH10NL	Hòa		2	2	2	4	001234567890	001234567890
19	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC	Hoàng		0.5	1.5	1.5	2	001234567890	001234567890
20	13334074	Lương Văn Hoàng	CD13CI	Hoàng		2.5	1.5	1.5	4	001234567890	001234567890
21	13153109	Nguyễn Tân Hồng	DH13CD	Hồng		0.5	0.5	0.5	1	001234567890	001234567890
22	12154123	Vũ Thanh Hằng	DH12OT	Hằng		-	-	-	-	001234567890	001234567890
23	13115242	Mai Thùy Giang	DH13CB	Giang		2.5	4	4	6.5	001234567890	001234567890
24	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT	Hương		2	2	2	4	001234567890	001234567890
25	13115265	Lê Thị Bích Loan	DH13GB	Loan		1.5	3	3	4.5	001234567890	001234567890
26	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI	Lộc		2	2	2	4	001234567890	001234567890
27	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD	Lộc		1	1.5	1.5	3	001234567890	001234567890
28	12138066	Đặng Tiểu Long	DH12TD	Long		0.5	0.5	0.5	1	001234567890	001234567890
29	13115270	Trương Công Luận	DH13CB	Luân		3	2	2	5	001234567890	001234567890
30	11154045	Châu Đức Minh	DH11OT	Minh		1	0	0	1	001234567890	001234567890



Mã nhận dạng 04074



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bản vật liệu(207113) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

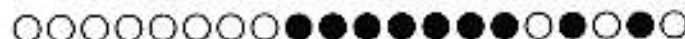
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV301

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118214	Trần Hoài	Nam	DH13CK			✓	✓	✓	001234567890	0123456789
32	13154039	Nguyễn Văn	Nghĩa	DH13OT	Nghĩa		0.5	2	2.5	001234567890	0123456789
33	12344118	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	CD12CI			✓	✓	✓	001234567890	0123456789
34	12115146	Võ Thị Xuân	Nhân	DH12GB			✓	✓	✓	001234567890	0123456789
35	13334133	Lê Hữu	Nhân	CD13CI	nhân		1	2	3	001234567890	0123456789
36	14154131	Nguyễn Tấn	Phúc	DH14OT			3	✓	✓	001234567890	0123456789
37	13115329	Ngô Thị Minh	Phúc	DH13CB	ngô		2	2	4	001234567890	0123456789
38	13154044	Nguyễn Thành	Phúc	DH13OT	ngô	1	3	4	8	001234567890	0123456789
39	11153009	Võ Minh	Phương	DH11CD	phương		1	0	1	001234567890	0123456789
40	13115489	Hà Thu	Phương	DH13CB	phương		2.5	2	4.5	001234567890	0123456789
41	11138004	Dương Phước Phú	Quý	DH11CD	duy		✓	0	0	001234567890	0123456789
42	12118080	Nguyễn Đức Trọng	Quý	DH12CC	trọng		1	1	2	001234567890	0123456789
43	13115092	Ngô Tấn	Si	DH13CB	ngô		1	0	1	001234567890	0123456789
44	13115361	Nguyễn Ngọc	Sơn	DH13CB	ngô		0.5	2.5	3	001234567890	0123456789
45	13118255	Hồ Hoàng	Sơn	DH13CK	hồ		2	1	3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04074



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV301

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13137122	Đỗ Khánh Tâm	DH13NL				2	5	7	001234567890	0123456789
47	13138189	Văn Thành Tân	DH13TD			0.5	3	6.5	10	001234567890	0123456789
48	13114492	Lê Đức Tây	DH13CB				/	0	0	001234567890	0123456789
49	12154021	Trần Văn Thông	DH12OT				/	0	0	001234567890	0123456789
50	13153222	Trương Phi	DH13CD				1.5	3.5	5	001234567890	0123456789
51	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI				3	1	4	001234567890	0123456789
52	14118274	Trần Văn Thường	DH14CC			1	3	4.5	8.5	001234567890	0123456789
53	13154186	Lữ Minh Tiến	DH13OT				3	2.5	5.5	001234567890	0123456789
54	13334214	Trần Quốc Tín	CD13CI				/	/	/	001234567890	0123456789
55	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH12OT				1.5	3.5	5	001234567890	0123456789
56	13137147	Phạm Thế Toán	DH13NL				0.5	2	2.5	001234567890	0123456789
57	13334216	Phạm Văn Toán	CD13CI				0.5	1	1.5	001234567890	0123456789
58	12115100	Nguyễn Xuân Tri	DH12CB				2.5	2	4.5	001234567890	0123456789
59	13115444	Trần Trung Trí	DH13CB				1.5	0	1.5	001234567890	0123456789
60	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL				0.5	1	1.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04074



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV301

Lớp CD13C1 (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13C1	<i>Triều</i>			2	2	4	001234567890	0123456789
62	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD	<i>Tường</i>			1	0	1	001234567890	0123456789
63	13115451	Lê Văn Tuấn	DH13CB	<i>Tuấn</i>			2.5	5	7.5	001234567890	0123456789
64	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC	<i>Duy Tuấn</i>			2	5	7	001234567890	0123456789
65	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD				2	/	/	001234567890	0123456789
66	13115457	Nguyễn Thị Tuyền	DH13CB	<i>Tuyền</i>			2.5	1.5	4	001234567890	0123456789
67	13115135	Dương Thu Uyên	DH13CB	<i>Thư Uyên</i>			1	0	1	001234567890	0123456789
68	13115472	Trần Thị Yên Vi	DH13CB	<i>Trần Thị Yên Vi</i>			3	4	7	001234567890	0123456789
69	12153165	Nguyễn Thanh VT	DH12CD				/	/	/	001234567890	0123456789
70	14154064	Mai Quốc Việt	DH14OT	<i>Việt</i>		1	2	7	10	001234567890	0123456789
71	13334244	Lê Quang Vinh	CD13C1	<i>Quang Vinh</i>			2	3.5	5.5	001234567890	0123456789
72	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD	<i>Trần Thanh Vĩnh</i>			0.5	0.5	1	001234567890	0123456789
73	11138011	Huỳnh Minh Vũ	DH11CD	<i>Huỳnh Minh Vũ</i>			1	0	1	001234567890	0123456789
74	12115130	Nguyễn Hoàng Vũ	DH12CB	<i>W</i>			1	0.5	1.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04074



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV301

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
75	13115142	Tô Tường Vy	DH13CB				3	1	4	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trương Quang Trọng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH13CB 02 - 001 DH13CB 02

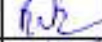
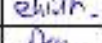
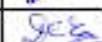
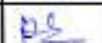
Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phỏng Thi TV302

Lớp **DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115148	Nguyễn Đức Anh	DH13CB				1	0	1	0012345678910	1123456789
2	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT				2	3	5	0012345678910	1123456789
3	13115157	Nguyễn Công Biết	DH13CB				3	4	7	0012345678910	1123456789
4	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD				2	2	4	0012345678910	1123456789
5	12154051	Nguyễn Đình Quốc Chính	DH12OT				2	1	3	0012345678910	1123456789
6	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD				1	3	4	0012345678910	1123456789
7	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL				1	0	1	0012345678910	1123456789
8	12115236	Huỳnh Văn Đạt	DH12GN				3	1	4	0012345678910	1123456789
9	12153048	Trần Văn Đạt	DH12CD				-	0	0	0012345678910	1123456789
10	13115172	Nguyễn Hồng Diễm	DH13CB		✓		-	-	-	1012345678910	0123456789
11	13154095	Nguyễn Hữu Đoan	DH13OT		✓		-	-	-	1012345678910	0123456789
12	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			1	1	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
13	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD			-1	1.5	4.5	5	0012345678910	1123456789
14	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL				1.5	4.5	6	0012345678910	1123456789
15	12154059	Nguyễn Hoàng Duy	DH12OT				1.5	1.5	3	0012345678910	1123456789



Mã nhận dạng 04110



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV302

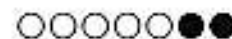
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK				2.5	4	6.5	001234567890	0123456789
17	13115018	Lê Thị Duyên	DH13CB				2	3	5	001234567890	0123456789
18	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT				1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
19	12115088	Lê Thị Thúy Hằng	DH12CB				1.5	0.5	2	001234567890	0123456789
20	14154091	Nguyễn Văn Hạnh	DH14OT				1	2	3	001234567890	0123456789
21	13115204	Võ Thị Mỹ Hào	DH13CB				2	4.5	6.5	001234567890	0123456789
22	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL				1.5	0	1.5	001234567890	0123456789
23	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL				1	1	2	001234567890	0123456789
24	14154097	Hoàng Văn Hòa	DH14OT				2.5	2.5	5	001234567890	0123456789
25	13153128	Nguyễn Đăng Khon	DH13CD				2	2.5	4.5	001234567890	0123456789
26	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC				2.5	1.5	4	001234567890	0123456789
27	13115257	Phạm Thị Như Liễu	DH13CB				3	1	4	001234567890	0123456789
28	13138112	Đặng Thành Lợi	DH13TD		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
29	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD				1	1.5	2.5	001234567890	0123456789
30	13334124	Đặng Thanh Nam	CD13CI				1.5	1	2.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04110



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13115296	Nguyễn Việt Ngọc	DH13CB	<i>Việt Ngọc</i>			1.5	1	2.5	001234567890	0123456789
32	14154125	Nguyễn Minh Ngọc	DH14OT	<i>Minh Ngọc</i>			1	0	1	001234567890	0123456789
33	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD	<i>Phạm Phúc Nha</i>			1.5	1	2.5	001234567890	0123456789
34	12115108	Nguyễn Thành Nhơn	DH12CB		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
35	13138141	Nguyễn Huỳnh Nhung	DH13TD	<i>Nhung</i>			1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
36	12344102	Dương Quốc Pháp	CD12CI	<i>Quốc Pháp</i>			1	1	2	001234567890	0123456789
37	13115319	Phạm Hoàng Phi	DH13GB	<i>Phạm Hoàng Phi</i>			1	2	3	001234567890	0123456789
38	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD	<i>Nguyễn Văn Phong</i>			2.5	0	2.5	001234567890	0123456789
39	12137054	Bùi Văn Phúc	DH12NL		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
40	13115337	Trương Nữ Hoài Phương	DH13CB	<i>Trương Nữ Hoài Phương</i>			2.5	4	6.5	001234567890	0123456789
41	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD	<i>Nguyễn Hoàng Phương</i>			1.5	1	2.5	001234567890	0123456789
42	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT	<i>Nguyễn Thanh Quân</i>			2	7	9	001234567890	0123456789
43	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD	<i>Phan Thanh Quý</i>			1	0	1	001234567890	0123456789
44	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT	<i>Phạm Hữu Quý</i>		1	2	3	6	001234567890	0123456789
45	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI	<i>Nguyễn Tấn Quốc</i>			1.5	0.5	2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04110



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV302

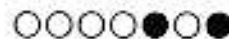
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK				1.5	0.5	2	001034567890	0123456789
47	13115367	Nguyễn Anh Tài	DH13CB				2.5	2.5	5	0010234067890	0123456789
48	12344197	Nguyễn Thành Tâm	CD12CI				2	2	4	0010230567890	0123456789
49	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD			1	2.5	1.5	5	0010234067890	0123456789
50	13115383	Khưu Xuân Thạch	DH13GB				1	2	3	0010204567890	0123456789
51	14154052	Lê Cao Thăng	DH14OT				2	3	5	0010234067890	0123456789
52	13153023	Tăng Thành Tháo	DH13CD				2.5	0	2.5	001034567890	0123406789
53	12344192	Nguyễn Văn Thời	CD12CI				2	2	4	0010230567890	0123456789
54	13115492	Nguyễn Thị Thơm	DH13CB				2	2	4	0010230567890	0123406789
55	13153224	Lê Tự Quốc Thông	DH13CD				3	1.5	4.5	0010230567890	0123456789
56	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT				3	3	6	0010234507890	0123456789
57	13115398	Đinh Thị Thu	DH13CB				2	4.5	6.5	0010234507890	0123406789
58	13115406	Lê Thân Như Thúy	DH13GN		✓					00102345067890	0123456789
59	13115407	Nguyễn Thị Như Thúy	DH13CB				1	2	3	0010204567890	0123456789
60	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD			0.5	1.5	0.5	2.5	001034567890	0123406789



Mã nhận dạng 04110



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp DH13GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13115119	Đặng Thị Cẩm Tiên	DH13GB				2	2	4	001234567890	0123456789
62	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
63	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC				2.5	2	4.5	001234567890	0123456789
64	12154199	Nguyễn Thanh Tông	DH12OT				1	3	4	001234567890	0123456789
65	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD				2	5.5	7.5	001234567890	0123456789
66	13115464	Đỗ Thị Minh Tư	DH13GB				1	2	3	001234567890	0123456789
67	12153157	Nguyễn Anh Tuấn	DH12CD				1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
68	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			0.5	3	1.5	5	001234567890	0123456789
69	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD				1	0.5	1.5	001234567890	0123456789
70	12115248	Đinh Quang Tuyển	DH12CB				1.5	1.5	3	001234567890	0123456789
71	13138255	Phùng Anh Vi	DH13TD		✓		1.5	✓	✓	001234567890	0123456789
72	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC				1	0.5	1.5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trần Quang Hoàng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH13GN_03 - 001_DH13GN_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi HD202

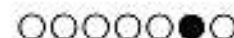
Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115491	Trần Thụy Thúy An	DH13CB	<i>[Signature]</i>		2	9	5	5,2	○○○1234●678910	01●3456789
2	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD	<i>[Signature]</i>		7	9	1	3,8	○○○12●45678910	01234567●9
3	14153012	Nguyễn Thành Đạt	DH14CD	<i>[Signature]</i>		5	6	1	2,8	○○○1●345678910	01234567●9
4	12115315	Lê Thị Dung	DH12GN	<i>[Signature]</i>		6	8	5	5,8	○○○1234●678910	01234567●9
5	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT	<i>[Signature]</i>		5	8	2	3,8	○○○12●45678910	01234567●9
6	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK	<i>[Signature]</i>		6	9	1	3,6	○○○12●45678910	012345●789
7	13138058	Cao Xuân Hải	DH13TD							●○○12345678910	0123456789
8	13118017	Trần Văn Hiệu	DH13CK	<i>[Signature]</i>		6	9	2	4,2	○○○123●5678910	01●3456789
9	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC	<i>[Signature]</i>		2	8	2	3,2	○○○12●45678910	01●3456789
10	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD	<i>[Signature]</i>		7	7	5	5,8	○○○1234●678910	01234567●9
11	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2	8	2	3,2	○○○12●45678910	01●3456789
12	11154042	Ngô Hoàng Luân	DH11OT	<i>[Signature]</i>		5	9	2	4	○○○123●5678910	●123456789
13	13138116	Võ Tấn Lý	DH13TD	<i>[Signature]</i>		3	8	2	3,4	○○○12●45678910	0123●56789
14	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK	<i>[Signature]</i>		6	7	2	3,8	○○○12●45678910	01234567●9
15	13115281	Vũ Tấn Minh	DH13GB	<i>[Signature]</i>		2	8	1	2,6	○○○1●345678910	012345●789



Mã nhận dạng 04127



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sứ hân vật liệu(207113) - DH13GN_03 - 001_DH13GN_03

Số Tin Ch 3

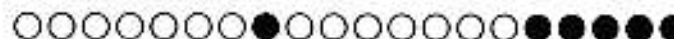
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi HD202

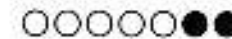
Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
16	12344185	Nguyễn Thanh Phong	CD12CI			6	7	3	4,4	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
17	13115326	Diệp Quang Phú	DH13GB			2	5	1	2	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD			6	8	1	3,4	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
19	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD			6	7	3	4,4	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT			6	9	1	3,6	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
21	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			4	9	4	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	10154041	Đỗ Tấn Thái	DH10OT			5	5	1	2,6	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
23	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			6	9	5	6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	12115031	Lê Văn Thi	DH12GB							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			5	7	5	5,4	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	12344126	Vũ Thorn	CD12CI			3	7	5	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	12138129	Nguyễn Công Thuận	DH12TD			3	7	8	6,8	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			6	8	7	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13153238	Mai Thanh Tính	DH13CD			5	6	3	4	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13138223	Đinh Quốc Toán	DH13TD			9	7	2	4,4	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04127



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH13GN_03 - 001_DH13GN_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi HD202

Lớp DH12GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12115036	Nguyễn Thị Thủy	Trình	DH12GN		5	8	5	5,6	00123456789	0123456789
32	12344148	Trần Minh	Tú	CD12CI		5	9	1	3,4	00123456789	0123456789
33	13154198	Lê Anh	Tuấn	DH13OT		2	8	1	2,6	00123456789	0123456789
34	13154070	Nguyễn Văn Hoàng	Vũ	DH13OT		3	7	1	2,6	00123456789	0123456789
35	13118359	Vũ Gia	Vỹ	DH13CK		6	8	3	4,6	00123456789	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 4 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đỗ Hữu Tâm

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

CBCT 2

Cán Bộ Chấm Thi 1

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Súc bản vật liệu(207113) - DH13GN_03 - 002_DH13GN_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115144	Hoàng Đông A	DH13CB			5	9	2	4	○○○123●56789○	●123456789
2	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			3	7	1	2,6	○○○1●3456789○	○12345●789
3	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT			4	8	1	3	○○○12●456789○	●123456789
4	14153067	Nguyễn Khắc Bồng	DH14CD			6	9	1	3,6	○○○12●456789○	○12345●789
5	12115227	Nguyễn Viết Đạt	DH12GN							●○○123456789○	○123456789
6	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK			5	9	1	3,4	○○○12●456789○	○123●56789
7	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT			5	8	2	3,8	○○○12●456789○	○1234567●9
8	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD			6	8	5	5,8	○○○1234●6789○	○1234567●9
9	13137054	Ngô Hữu Hậu	DH13NL			3	7	2	3,2	○○○12●456789○	○1●3456789
10	13138073	Phạm Trung Hiếu	DH13TD							●○○123456789○	○123456789
11	13118140	Dặng Ngọc Hiệu	DH13CK			5	8	1	3,2	○○○12●456789○	○1●3456789
12	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC							●○○123456789○	○123456789
13	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD			3	9	2	3,6	○○○12●456789○	○12345●789
14	13153114	Nguyễn Huỳnh Quang Huy	DH13CD			7	9	3	5	○○○1234●6789○	●123456789
15	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			6	8	6	6,4	○○○12345●789○	○123●56789



Mã nhận dạng 04128



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ mệnh vật liệu(207113) - DH13GN_03 - 002_DH13GN_03

Số Tín Ch 3

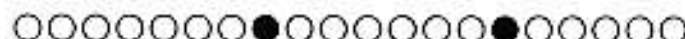
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD303

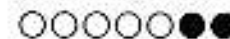
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK			4	8	2	3,6	0012●45678910	012345●789
17	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK			6	9	2	4,2	00123●5678910	01●3456789
18	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			5	9	3	4,6	00123●5678910	012345●789
19	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			6	7	1	3,2	0012●45678910	01●3456789
20	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK			5	8	2	3,8	0012●45678910	01234567●9
21	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD			6	6	1	3	0012●45678910	●123456789
22	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
23	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD							●012345678910	0123456789
24	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD			3	8	1	2,8	001●345678910	01234567●9
25	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD			6	9	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
26	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
27	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK			6	9	1	3,6	0012●45678910	012345●789
28	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD			6	8	2	4	00123●5678910	●123456789
29	13138178	Ngô Quốc Sĩ	DH13TD			6	7	5	5,6	001234●678910	012345●789
30	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			6	9	1	3,6	0012●45678910	012345●789



Mã nhận dạng 04128



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH13GN_03 - 002_DH13GN_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH110T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	11154017	Dương Nguyễn Khánh Tân	DH110T			5	8	2	3,8	0012●45678910	01234567●9
32	13118269	Võ Minh Tây	DH13CK			6	8	8	7,6	00123456●8910	012345●789
33	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD							●012345678910	0123456789
34	12344111	Võ Tấn Thiện	CD12CI			6	7	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
35	13115412	Nguyễn Thị Anh Thư	DH13CB			9	9	5	6,6	0012345●78910	012345●789
36	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT			5	8	5	5,6	001234●678910	012345●789
37	13115116	Nguyễn Hoàng Thương	DH13GB			2	7	1	2,4	001●345678910	0123●56789
38	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL			6	8	5	5,8	001234●678910	01234567●9
39	13118064	Nguyễn Văn Tyl	DH13CK			5	9	2	4	00123●5678910	●123456789
40	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DH13TD							●012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB CT

CB CT

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14CC 04 - 001 DH14CC 04

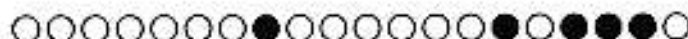
Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1



Mã nhận dạng 04142



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14CC_04 - 001_DH14CC_04

Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D3 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT	<i>Đạt</i>			1.5	0.5	2	001034567890	0123456789
17	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT	<i>Dương</i>			2	3	5	001234067890	0123456789
18	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC	<i>Anh</i>			2.5	1.5	4	001230567890	0123456789
19	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	<i>Duy</i>			3	0	3	001204567890	0123456789
20	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC	<i>Hùng</i>			1	1	2	001034567890	0123456789
21	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC	<i>Thanh</i>		1	1.5	1.5	4	001230567890	0123456789
22	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC	<i>Hà</i>		1	1.5	1.5	4	001230567890	0123456789
23	14154090	Hồ Thanh Hải	DH14OT	<i>Hải</i>			2	0	2	001034567890	0123456789
24	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD	<i>Khoa</i>			2	3	5	001234067890	0123456789
25	14118024	Phạm Thanh Hiền	DH14CC	<i>Thanh</i>			1	0	1	0010234567890	0123456789
26	14137036	Nguyễn Hồng Hiếu	DH14NL	<i>Hồng</i>			1	4	5	001234067890	0123456789
27	14154020	Vũ Anh Hiếu	DH14OT	<i>Anh</i>			1	4	5	001234067890	0123456789
28	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC	<i>Văn</i>		-1	1.5	0.5	1	0010234567890	0123456789
29	14154098	Lê Thái Hòa	DH14OT	<i>Thái</i>			3	2.5	5.5	001234067890	0123406789
30	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH14OT	<i>Thanh</i>		1	3	4	8	001234567090	0123456789



Mã nhận dạng 04142



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH14CC_04 - 001_DH14CC_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV101

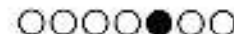
Lớp DH11CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	11153017	Nguyễn Văn Hùng	DH11CD				✓	✓	✓	001234567890	0123456789
32	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC	Hưng			2.5	2.5	5	001234567890	0123456789
33	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC	Huy			2	2	4	001234567890	0123456789
34	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT	Huy			1	2	3	001234567890	0123456789
35	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC	Hải			1.5	4	5.5	001234567890	0123456789
36	14118193	Trần Như Long	DH14CC	Long			3	2	5	001234567890	0123456789
37	14137003	Nguyễn Tấn Minh	DH14NL	Minh			2	2	4	001234567890	0123456789
38	14153030	Trần Lộc	DH14CD	Lộc			1	0	1	001234567890	0123456789
39	14118040	Hoàng Vương	DH14CC	Wang			2	3.5	5.5	001234567890	0123456789
40	14118206	Lê Từ Nguyễn	DH14CC	Tu			1	1	2	001234567890	0123456789
41	14118208	Võ Tấn Nguyên	DH14CC	Tan			2.5	6.5	9	001234567890	0123456789
42	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK	Nhan			1.5	1	2.5	001234567890	0123456789
43	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT	Nhan			3	2	5	001234567890	0123456789
44	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DH14OT	Nhan			2.5	2	4.5	001234567890	0123456789
45	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC	Nhi			2.5	0	2.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04142



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH14CC_04 - 001_DH14CC_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV101

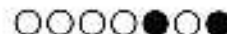
Lớp DH11OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 ± %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm K
46	11154041	Vũ Đình Ninh	DH11OT	Nhuệ			0.5	3.5	4	001234567890	0123456789
47	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC	Ph			1	4	5	001234567890	0123456789
48	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC	Phu			3	5	8	001234567890	0123456789
49	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK	Phu			1.5	1.5	3	001234567890	0123456789
50	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	Phu			1.5	0.5	2	001234567890	0123456789
51	10134019	Huỳnh Thị Kim Quý	DH10GB				/	/	/	001234567890	0123456789
52	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC	Phu		1	1	3	5	001234567890	0123456789
53	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC	Phu			1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
54	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC	Phu			1	4	5	001234567890	0123456789
55	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT	Phu			2	2	4	001234567890	0123456789
56	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL	Phu			3	3	6	001234567890	0123456789
57	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC	Phu			1.5	3	4.5	001234567890	0123456789
58	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC	Phu			1	0	1	001234567890	0123456789
59	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL	Phu			1	0	1	001234567890	0123456789
60	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT	Phu			1	0	1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04142



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CC_04 - 001_DH14CC_04

Số Tín Chỉ 3

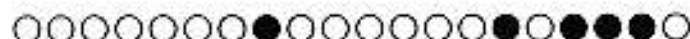
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14154143	Trần Hữu Thành	DH14OT	<i>Thanh</i>			2.5	3	5.5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
62	14137073	Nguyễn Thanh	DH14NL	<i>Thanh</i>			1.5	2.5	4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	14154146	Nguyễn Trung	DH14OT	<i>Trung</i>			2	4	6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	14118263	Nguyễn Tấn	DH14CC	<i>Tấn</i>			1	2	3	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	14137074	Nguyễn Mậu	DH14NL	<i>Mậu</i>			1.5	1	2.5	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
66	14118265	Nguyễn Quốc	DH14CC	<i>Quốc</i>			1.5	0.5	2	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	14137080	Nguyễn Ngọc	DH14NL	<i>Ngọc</i>		1	3	5.5	8.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
68	13115435	Nguyễn Thị Huỳnh	DH13GN	<i>Huỳnh</i>			2.5	4.5	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	14154062	Nguyễn Thế	DH14OT	<i>Thế</i>			1	1.5	2.5	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
70	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CC				2	✓	✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	14154160	Vũ Duy	DH14OT	<i>Duy</i>			1	5	6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	14118296	Nguyễn Duy	DH14CC	<i>Duy</i>			1	3.5	4.5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
73	14118319	Lê Anh	DH14CC	<i>Anh</i>			2	2	4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	14137093	Trần Bá	DH14NL	<i>Bá</i>			2	2	4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04142



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CC_04 - 001_DH14CC_04

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
75	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL				1.5	3.5	5	00123456789	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

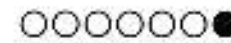
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi:

CBCT2:



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sinh viên vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 001_DH14CD_05

Số Tin Ch 3

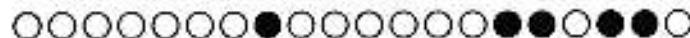
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD102

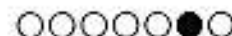
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153006	Hồ Nguyễn Văn	Cánh	Văn			1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
2	14118008	Nguyễn Đăng	Châu							001234567890	0123456789
3	14153007	Phạm Hòa	Chính	chính			1	2	3	001234567890	0123456789
4	14153009	Lê Mạnh	Cường	cường			1	1.5	2.5	001234567890	0123456789
5	14154010	Nguyễn Văn	Đàn	Đàn			1	0	1	001234567890	0123456789
6	14153075	Đỗ Minh	Đề	Đề			1	2	3	001234567890	0123456789
7	14153071	Thái Anh	Dũng	Dũng			1	1	2	001234567890	0123456789
8	14137016	Trần Thanh	Duy	Trần Thanh			3	2.5	5.5	001234567890	0123456789
9	14153079	Bùi Văn	Hân	Bùi Văn			3	1.5	4.5	001234567890	0123456789
10	14118154	Lê Doãn	Hào	Hào		1	3	5.5	9.5	001234567890	0123456789
11	14154018	Trần Bá	Hiển	Hiển			1	4.5	5.5	001234567890	0123456789
12	14153086	Nguyễn Xuân	Hoài	Nguyễn Xuân			1	3	4	001234567890	0123456789
13	14154021	Nông Quốc	Hoàn	Hoàn			1	1.5	2.5	001234567890	0123456789
14	14154100	Nguyễn Đức	Huy	Nguyễn Đức			1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
15	14137045	Nguyễn Quốc	Khanh	Nguyễn Quốc			2	4	6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04150



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 001_DH14CD_05

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD102

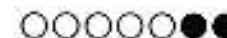
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153024	Ngô Tường Lâm	DH14CD				2.5	2.5	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD				1.5	1	2.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			-1	2.5	1.5	3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14153103	Nguyễn Đức Đạt	DH14CD				1	1.5	2.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14153107	Đinh Như Nhân	DH14CD				1	2	3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD				3	4	7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT				1	0	1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14153118	Phan Thương Hoài L.	DH14CD				1.5	4	5.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD				3	1.5	4.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL				1.5	3.5	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14153053	Nguyễn Văn Tinh	DH14CD			1	3	5.5	9.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14153054	Đinh Ngọc Trần	DH14CD				2.5	5.5	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118080	Cao Văn Trinh	DH14CC				1.5	3	4.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL				2	0	2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04150



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 001_DH14CD_05

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD102

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
30	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD	Việt			1	0.5	1.5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

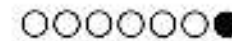
[Signature]
Trần Văn Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Trần Văn Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Trần Văn Dũng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 002_DH14CD_05

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV225

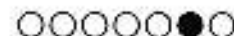
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD				3	1	4	001234567890	0123456789
2	14154067	Đỗ Đức Anh	DH14OT				1	0.5	1.5	001234567890	0123456789
3	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT				1	0	1	001234567890	0123456789
4	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD				2	2	4	001234567890	0123456789
5	14153005	Võ Đức Bấy	DH14CD				2.5	2	4.5	001234567890	0123456789
6	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN				1			001234567890	0123456789
7	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD				2.5	1.5	4	001234567890	0123456789
8	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD				1	5	6	001234567890	0123456789
9	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14OT							001234567890	0123456789
10	14137028	Nguyễn Văn Đồng	DH14NL				1	0	1	001234567890	0123456789
11	14153070	Mai Thạch Dữ	DH14CD				1	3	4	001234567890	0123456789
12	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD				3	4.5	7.5	001234567890	0123456789
13	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL				2	4	6	001234567890	0123456789
14	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			1	2	5.5	8.5	001234567890	0123456789
15	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD				1.5	1.5	3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04151



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 002_DH14CD_05

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 30%	D.Số ph	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13115208	Trương Thị Minh	Hiển	DH13CB			2	2.5	4.5	001234567890	0123456789
17	14118160	Võ Đức	Hiệp	DH14CC			1.5	2.5	4	001234567890	0123456789
18	14153016	Trần Dương	Hoan	DH14CD		1	2	2	5	001234567890	0123456789
19	14137042	Ngô Thị Ngọc	Huyền	DH14NL			3	4	7	001234567890	0123456789
20	14153019	Cao Bá	Kế	DH14CD			1.5	3.5	5	001234567890	0123456789
21	14118187	Nguyễn Hữu	Khôi	DH14CC			3	3	6	001234567890	0123456789
22	14154112	Nguyễn Hoàng	Khương	DH14OT			2	6.5	8.5	001234567890	0123456789
23	14153021	Mai Thế	Kiệt	DH14CD			3	5.5	8.5	001234567890	0123456789
24	14153022	Trần Tuấn	Kiệt	DH14CD			1	1	2	001234567890	0123456789
25	14153023	Đinh Thiện Duy	Lam	DH14CD			2	2	4	001234567890	0123456789
26	14153029	Hàng	Lục	DH14CD			1	2	3	001234567890	0123456789
27	14154036	Hà Thế	Lượng	DH14OT			1	3.5	4.5	001234567890	0123456789
28	14153104	Phan Thanh	Nam	DH14CD			1.5	5.5	7	001234567890	0123456789
29	14153034	Chế Thành	Nghi	DH14CD			3	6.5	9.5	001234567890	0123456789
30	14153035	Đặng Thành	Nghĩa	DH14CD			3	1	4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04151



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 002_DH14CD_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV225

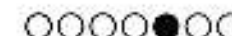
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 ± %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm R
31	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC				3	3	6	001234567890	0123456789
32	14153039	Nguyễn Văn Nhân	DH14CD				3	5	8	001234567890	0123456789
33	14153119	Trần Trí Tâm	DH14CD				0.5	5.5	6	001234567890	0123456789
34	14153129	Phạm Hoàng Thuận	DH14CD				2	2.5	4.5	001234567890	0123456789
35	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL				2	6.5	5.5	001234567890	0123456789
36	14153052	Phan Minh Thuận	DH14CD			1	2.5	5	8.5	001234567890	0123456789
37	14153134	Nguyễn Thanh Thuận	DH14CD			1	3	3	7	001234567890	0123456789
38	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT			-1	2.5	4.5	6	001234567890	0123456789
39	14154059	Phạm Văn Thức	DH14OT				2	1	3	001234567890	0123456789
40	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC				1	9.5	4.5	001234567890	0123456789
41	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD				1	3	4	001234567890	0123456789
42	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD				3	2	5	001234567890	0123456789
43	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD				2	2	4	001234567890	0123456789
44	14153059	Phạm Ngọc Tuyền	DH14CD				1.5	2.5	4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04151



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CD_05 - 002_DH14CD_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
45	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL				1	3.5	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

CB coi thi I

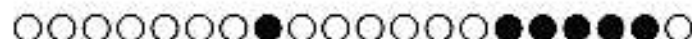
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán Bộ Chấm Thi 1

CB coi thi II

Kiến & Đức

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Súc bản vật liệu(207113) - DH14CK_06 - 001_DH14CK_06

Số Tín Ch 3

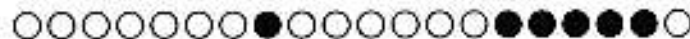
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV227

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			6	8	1	3,4	001234567890	0123456789
2	13115022	Nguyễn Hồng Tấn	DH13CB			2	8	1	2,6	001234567890	0123456789
3	14118141	Trần Văn Điệp	DH14CK			3	9	5	5,4	001234567890	0123456789
4	13334037	Trần Thanh Duy	CD13CI							001234567890	0123456789
5	13137053	Cao Gia Hân	DH13NL			6	7	1	3,2	001234567890	0123456789
6	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			6	9	1	3,6	001234567890	0123456789
7	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			2	8	1	2,6	001234567890	0123456789
8	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD			6	9	6	6,6	001234567890	0123456789
9	13138008	Phan Xuân Liêm	DH13TD			6	7	2	3,8	001234567890	0123456789
10	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT			6	7	3	4,4	001234567890	0123456789
11	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD			6	9	2	4,2	001234567890	0123456789
12	13334114	Nguyễn Thành Luân	CD13CI							001234567890	0123456789
13	13334117	Nguyễn Công Lực	CD13CI			6	9	1	3,6	001234567890	0123456789
14	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			8	9	5	6,4	001234567890	0123456789
15	13115072	Hoàng Triệu Nam	DH13GN			7	8	1	3,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04158



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14CK_06 - 001_DH14CK_06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV227

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 x.0%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD	Nhân		5	9	5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
18	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL	Đinh		0	2	1	1	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT	Phi		6	9	2	4,2	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
20	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK	Phong		6	9	3	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
21	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC	Phuoc		2	6	1	2,2	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT	Anh		4	7	1	2,8	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
23	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD	Quoc		2	8	2	3,2	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
24	13115091	Lê Thị Hồng Sen	DH13GB	Sen		5	9	8	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
25	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC	Son		4	8	2	3,6	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
26	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK	Tan		6	8	1	3,4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
27	13118052	Cao Ngọc Thiện	DH13CC	Thien		5	8	5	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
28	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD	Thuan		6	9	5	6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115441	Trần Thị Diễm Trinh	DH13CB							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10137072	Nguyễn Thành Trung	DH10NL							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04158



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH14CK_06 - 001_DH14CK_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi PV227

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC	<i>Tuấn</i>		3	7	1	2,6	○01●34567890	012345●789
32	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC	<i>Đ</i>		8	9	5	6,4	○012345●7890	0123●56789
33	14153141	Phạm Văn Tuấn	DH14CD							●01234567890	0123456789
34	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK	<i>vũ</i>		2	8	1	2,6	○01●34567890	012345●789
35	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK	<i>lv</i>		3	8	5	5,2	○01234●67890	01●3456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 4 Năm 2016

29/35

Xác nhận của Bộ Môn

Le Van Ban

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đỗ Hữu Toàn

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sinh viên vật liệu(207113) - DH14CK 06 - 002 DH14CK 06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phong Thai RD106

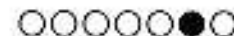
Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Figure 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm l8
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An	1	4	8	2	3,6	001245678910	012345789
2	13334005	Lê Thanh Tú	CD13CI	Thú	1	2	8	2	3,2	001245678910	013456789
3	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK	Chi	1	2	8	2	3,2	001245678910	013456789
4	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT	Cường	1	7	8	5	6	001234578910	123456789
5	13154012	Nguyễn Văn Điền	DH13OT	Ngân	1	7	9	5	6,2	001234578910	013456789
6	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD	Dũng	1	2	8	2	3,2	001245678910	013456789
7	13137037	Trần Ngọc Duy	DH13NL	Duy	1	6	9	5	6	001234578910	123456789
8	13115033	Vũ Thị Hiền	DH13CB							0012345678910	0123456789
9	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC	Huy	1	2	8	1	2,6	001345678910	012345789
10	13137076	Đỗ Đăng Khoa	DH13NL	Khoa	1	5	9	2	4	001235678910	123456789
11	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT	Đăng	1	8	8	5	6,2	001234578910	013456789
12	13138097	Trần Tiến Khôi	DH13TD	Khôi	1	8	9	1	4	001235678910	123456789
13	12138126	Nguyễn Duy Khương	DH12TD	Khương	1	6	8	5	5,8	001234678910	012345679
14	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL	Nguyên	1	6	9	1	3,6	001245678910	012345789
15	13115055	Huỳnh Võ Kiệt	DH13GB	Kiệt	1	5	8	3	4,4	001235678910	012356789



Mã nhận dạng 04159



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CK_06 - 002_DH14CK_06

Số Tin Ch 3

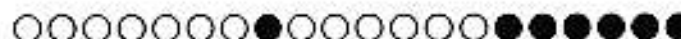
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD106

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC		1	6	7	1	3,2	001234567890	0123456789
17	13137085	Nguyễn Thanh Long	DH13NL		1	6	8	2	4	001234567890	0123456789
18	13138009	Nguyễn Kim Hải	DH13TD		1	6	7	5	5,6	001234567890	0123456789
19	14137048	Lê Thế Lực	DH14NL		1	2	8	2	3,2	001234567890	0123456789
20	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK							001234567890	0123456789
21	13115290	Trần Nguyễn Trọng Nghĩa	DH13GN		1	7	9	1	3,8	001234567890	0123456789
22	14153036	Phan Trọng Nghĩa	DH14CD		1	3	9	5	5,4	001234567890	0123456789
23	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC		1	2	8	5	5	001234567890	0123456789
24	12115214	Nguyễn Đức Phú	DH12CB							001234567890	0123456789
25	13138165	Mãn Hồng Quân	DH13TD		1	6	7	4	5	001234567890	0123456789
26	13115353	Trần Thị Như Quỳnh	DH13CB		1	7	9	3	5	001234567890	0123456789
27	10154035	Hồ Thái Oanh	DH10OT		1	6	7	4	5	001234567890	0123456789
28	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT		1	6	8	1	3,4	001234567890	0123456789
29	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC		1	8	9	2	4,6	001234567890	0123456789
30	13115399	Trần Thị Thanh Thu	DH13GB		1	5	9	8	7,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04159



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14CK_06 - 002_DH14CK_06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD106

Lớp DH11GN (Chuyên ngành Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	11169015	Lê Tấn	Thương	DH11GN	1	5	5	2	3,2	00124567890	013456789
32	13118306	Nguyễn Chu	Toàn	DH13CC	1	2	8	1	2,6	00134567890	012345789
33	13138229	Mai Minh	Trí	DH13TD	1	8	9	5	6,4	001234567890	012356789
34	13153240	Nguyễn Công	Triển	DH13CD	1	2	8	1	2,6	00134567890	012345789
35	13118059	Trần Văn	Trọng	DH13CK	1	6	8	2	4	00123567890	123456789
36	13153255	Lê Ngọc Triệu	Tuấn	DH13CD	1	6	8	1	3,4	00124567890	012356789
37	13115467	Phạm Vũ Bích	Uyên	DH13GB	1	5	9	2	4	00123567890	123456789
38	14118093	Trần Phước	Vinh	DH14CK	2	6	8	5	5,8	001234567890	012345679
39	14118095	Nguyễn Quốc	Vương	DH14CK	1	6	9	5	6	001234567890	123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đỗ Hữu Toàn

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sinh viên vật liệu(207113) - DH14CK 07 - 001 DH14CK 07

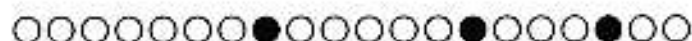
Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phong Thi CT201

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trans 1



Mã nhận dạng 04164



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CK_07 - 001_DH14CK_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi CT201

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK				2	0.5	2.5	001034567890	0123406789
17	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH14OT			1	1	6.5	8.5	0012344567090	0123406789
18	14118179	Nguyễn Ngọc Kha	DH14CK		✓		1	✓	✓	001234567890	0123456789
19	14154107	Quách Nguyễn Thành Khang	DH14OT				2.5	3	5.5	001234067890	0123406789
20	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT			0.5	2	4.5	7	001234560890	0123456789
21	14118033	Đặng Phú Khánh	DH14CK		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
22	14154110	Lê Mai Khoa	DH14OT				3	1	4	001230567890	0123456789
23	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK				2	0.5	2.5	001034567890	0123406789
24	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK				1.5	0.5	2	001034567890	0123456789
25	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT				2.5	2	4.5	001230567890	0123406789
26	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			1	2.5	4.5	8	001234567090	0123456789
27	14154130	Vương Ninh	DH14OT				1	0.5	1.5	000234567890	0123406789
28	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK				1	0	1	000234567890	0123456789
29	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC				1	0	1	000234567890	0123456789
30	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK				2	0.5	2.5	001034567890	0123406789



Mã nhận dạng 04164



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14CK_07 - 001_DH14CK_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi CT201

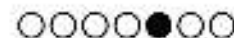
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D3 ± %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK				2	4.5	6.5	001234567890	0123456789
32	14118230	Võ Văn Phước	DH14CK		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
33	14118232	Lê Văn Nhật	DH14CC				1	0	1	001234567890	0123456789
34	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK				2	1	3	001234567890	0123456789
35	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK		✓		0.5	✓	✓	001234567890	0123456789
36	14118237	Trần Quốc Sơn	DH14CC				0.5	0.5	1	001234567890	0123456789
37	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK				1	0	1	001234567890	0123456789
38	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL				3	1	4	001234567890	0123456789
39	14118247	Nguyễn Văn Tăng	DH14CK		✓		✓	✓	✓	001234567890	0123456789
40	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK				1	0.5	1.5	001234567890	0123456789
41	14118067	Nguyễn Kiều Minh Thuận	DH14CK				1.5	0	1.5	001234567890	0123456789
42	14118068	Nguyễn Quốc Thiện	DH14CK				1	0	1	001234567890	0123456789
43	14118069	Nguyễn Văn Thiện	DH14CK				2	0	2	001234567890	0123456789
44	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK				2	0.5	2.5	001234567890	0123456789
45	14118077	Nguyễn Vĩnh Tới	DH14CC		✓		1	✓	✓	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04164



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH14CK_07 - 001_DH14CK_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi CT201

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK				2	0	2	○ ⑩ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK				1.5	0.5	2	○ ⑩ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			1	2.5	1	4.5	○ ⑩ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
49	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK		✓		-	-	-	● ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC				3	4	7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑪	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 42/50

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

Phạm Minh Hiến

CBCT 2

Lê Quang Trí

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu(207113) - DH14CK_07 - 002_DH14CK_07

Số Tin Ch 3

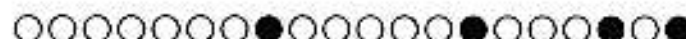
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD101

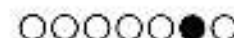
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	P1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK		1		0.5	0.5	1	○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK		1		2	2.5	4.5	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK		1		1	0	1	○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT		1		3	2.5	5.5	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK		1		2	2	4	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK		1		1	0.5	1.5	○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	14118131	Lê Văn Dương	DH14CK		1	1	3	2.5	6.5	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	14154016	Trần Thanh Tú Em	DH14OT		1		3	5	8	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK		1		2	0	2	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK		1		3	2	5	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK		1		3	1	4	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK		1		2.5	0.5	3	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK		1		1.5	0.5	2	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118192	Lê Thành Long	DH14CK		1		1.5	2.5	4	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	08138009	Nguyễn Thành Nam	DH08TD17	✓	✓					●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04165



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH14CK_07 - 002_DH14CK_07

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118204	Nguyễn Tấn Tuấn	Ngọc	DH14CK	✓	✓		✓	✓	001234567890	0123456789
17	14118218	Phạm Thanh	Phong	DH14CK	Phong	1	1.5	1	2.5	001234567890	0123456789
18	14118053	Ngô Tấn	Phúc	DH14CK	P	1	1	3	4	001234567890	0123456789
19	14118223	Phạm Hoàng	Phương	DH14CK	Phuong	1	1.5	1.5	3	001234567890	0123456789
20	14118056	Đình Hồng	Quân	DH14CK	✓	✓	1	✓	✓	001234567890	0123456789
21	14118249	Phạm Châu	Thanh	DH14CK	Chau	1	1	0	1	001234567890	0123456789
22	14118266	Phan Minh	Thoại	DH14CK	Phan	1	2.5	2.5	5	001234567890	0123456789
23	14118268	Nguyễn Nhật	Thông	DH14CK	Nhat	1	0.5	0.5	1	001234567890	0123456789
24	14154063	Vũ Đình	Trường	DH14OT	Vu	1	2.5	0.5	3	001234567890	0123456789
25	14118312	Hà Thành	Vị	DH14CK	Ha	1	1	2	5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Handwritten signature
 Ông Kiên Cường

Cán Bộ Chấm Thi 1

Handwritten signature
 Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2

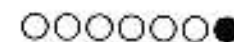
Handwritten signature
 Vũ Văn Tuấn

CBC 1

CBC 2



Mã nhận dạng 04174



Trang 1/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu(207113) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tín Chỉ: 3

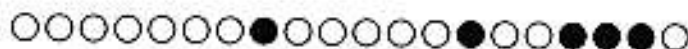
Ngày Thi: 26/01/2016

Phòng Thi: TV102

Lớp: DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD	<i>Bùi Minh Bảo</i>		1	0.2	0.8	1.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT	<i>Nguyễn Chí Bảo</i>		0.5	0.2	0.7	1.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115010	Trần Nguyễn Phú Cường	DH13CB		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13115026	Nguyễn Thành Đó	DH13CB	<i>Nguyễn Thành Đó</i>		1	0.5	3.5	5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344163	Vân Văn Dư	CD12C1	<i>Vân Văn Dư</i>		1	1	2.8	4.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138051	Ngô Lộc Trường Đức	DH13TD	<i>Ngô Lộc Trường Đức</i>		1	0.7	2.8	4.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD	<i>Trần Văn Dương</i>		1	0.2	0.7	1.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10154008	Hà Xuân Dương	DH10OT		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137032	Đỗ Văn Duy	DH13NL	<i>Đỗ Văn Duy</i>		1	0.6	3.5	5.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD	<i>Dương Minh Hào</i>	2	1	0.4	5.6	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH14OT	<i>Trương Bửu Hiệp</i>		1	0.4	1.4	2.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD	<i>Huỳnh Lê Phúc Hòa</i>		1	0.4	0.7	2.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04174



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tín Ch 3

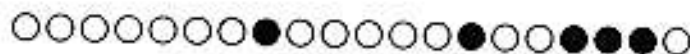
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV102

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm 10
16	13153103	Nguyễn Đông Hoài	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1	0.6	0.7	2.3	0012345678910	0123456789
17	13153104	Hà Lý Gia Hoàng	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1	0.4	1.4	2.8	0012345678910	0123456789
18	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1	0.2	0.7	1.9	0012345678910	0123456789
19	13115232	Cáp Hữu Hùng	DH13CB	<i>[Signature]</i>		1	0.4	1.4	2.8	0012345678910	0123456789
20	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1	1.9	5.6	8.5	0012345678910	0123456789
21	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0.5	0.2	0.7	1.4	0012345678910	0123456789
22	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0.5	0.4	0.7	1.6	0012345678910	0123456789
23	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
24	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD	<i>[Signature]</i>		1	1	1.4	3.4	0012345678910	0123456789
25	12153177	Trần Quốc Khanh	DH12CD		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
26	13138096	Võ Anh Khoa	DH13TD	<i>[Signature]</i>		1	0	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
27	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1	2	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
28	14154116	Trịnh Đình Linh	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1	0.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789
29	14154034	Đỗ Trọng Lôi	DH14OT		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
30	12344080	Nguyễn Thành Lợi	CD12CL	<i>[Signature]</i>		1	0.4	1.4	2.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04174



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ đề vật liệu(207113) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV102

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT	<i>Re</i>		1	1	1.4	3.4	001234567890	0123456789
32	14154032	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
33	13115071	Dương Công Minh	DH13CB		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
34	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH14OT	<i>Anh</i>		1	0.5	3.5	5	001234567890	0123456789
35	14115439	Trần Thị Thu Ngân	DH14GB	<i>Thu</i>		1	0.4	2.8	4.2	001234567890	0123456789
36	14154038	Võ Văn Nghi	DH14OT		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
37	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD	<i>dat</i>		1	0.2	2.1	3.3	001234567890	0123456789
38	14154124	Trần Hữu Nghĩa	DH14OT		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
39	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK	<i>Phi</i>		0.5	0.4	1.4	2.3	001234567890	0123456789
40	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	<i>Phong</i>		0.5	0	0.7	1.2	001234567890	0123456789
41	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD	<i>Quang</i>		1	0.4	0.7	2.1	001234567890	0123456789
42	13115090	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CB		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
43	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DH14OT	<i>Quynh</i>		1	0.4	2.8	4.2	001234567890	0123456789
44	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL	<i>Reo</i>		1	0.4	0.7	2.1	001234567890	0123456789
45	13138208	Nguyễn Văn Thiện	DH13TD		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04174



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sứ bền vật liệu(207113) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi TV102

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13153229	Lê Quyết	Tiến	DH13CD		1	0.5	3.5	5	0012345678910	0123456789
47	14154061	Trương Ngọc	Tín	DH14OT		1	1.2	4.9	7.1	0012345678910	0123456789
48	13115448	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DH13CB		1	0.5	3.5	5	0012345678910	0123456789
49	12344052	Phạm Chí	Tuấn	CD12CI		✓	-	-	-	0012345678910	0123456789
50	13154201	Trần Anh	Tuấn	DH13OT		1	0.2	0.7	1.9	0012345678910	0123456789
51	13154204	Trần Phước	Tường	DH13OT		1	0	1.4	2.4	0012345678910	0123456789
52	13118339	Nguyễn Minh	Tuyền	DH13CK		✓	-	-	-	0012345678910	0123456789
53	13115479	Phan Quốc	Vũ	DH13CB		1	1.2	3.5	5.7	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 32/53

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Binh

Nguyễn Hồng Phong

Trương Quang Tường

CHẤM 1

Phan Minh Binh

CHẤM 2:

Nguyễn Văn Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tín Ch 3

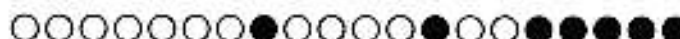
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD102

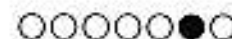
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			/	/	/	/	●001234567890	00123456789
2	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL	<i>Bình</i>		1	0.6	1.4	3	○001234567890	●0123456789
3	13154084	Trần Xuân Châu	DH13OT	<i>Chau</i>		1	1.4	2.1	4.5	○001234567890	001234●6789
4	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CD	<i>Anh</i>		1	1	2.1	4.1	○001234567890	00●23456789
5	14154073	Lê Kim Chiến	DH14OT			/	/	/	/	●001234567890	00123456789
6	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK	<i>Chung</i>		1	1.2	2.8	5	○001234567890	●0123456789
7	14154013	Trương Nhật Điền	DH14OT			/	/	/	/	●001234567890	00123456789
8	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT	<i>Đoàn</i>		0.5	0.4	0.7	1.6	○00●234567890	0012345●789
9	13115191	Bùi Ngọc Đức	DH13CB	<i>Đức</i>		1	0.6	1.4	3	○001234567890	●0123456789
10	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT	<i>Giáp</i>		1	1.2	3.5	5.7	○001234567890	00123456●89
11	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD	<i>Hiệp</i>		1	0.4	1.4	2.8	○001●34567890	001234567●9
12	13138076	Võ Minh Hòa	DH13TD	<i>Hòa</i>		1	1.4	2.1	4.5	○001234567890	001234●6789
13	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL			/	/	/	/	●001234567890	00123456789
14	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT			/	/	/	/	●001234567890	00123456789
15	12115021	Trương Hữu Nam	DH12CB	<i>Nam</i>		Cam	thi			●001234567890	00123456789



Mã nhận dạng 04255



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sửa chữa vật liệu(207113) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tin Ch 3

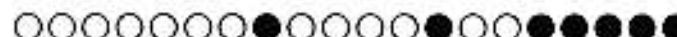
Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD102

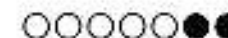
Lớp DH13CD (Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD			0.5	0.4	0.7	1.6	001234567890	0123456789
17	13153168	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	DH13CD			/	/	/	/	001234567890	0123456789
18	13115317	Nguyễn Hồ Phan	DH13CB			1	0.2	0.7	1.9	001234567890	0123456789
19	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD			1	0.2	2.1	3.3	001234567890	0123456789
20	13154165	Nguyễn Duy Quyền	DH13OT			/	/	/	/	001234567890	0123456789
21	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			1	1	0.7	2.7	001234567890	0123456789
22	13115403	Trần Văn Thuận	DH13GN			0.5	0	0.7	1.2	001234567890	0123456789
23	13115120	Nguyễn Thế Toàn	DH13CB			/	/	/	/	001234567890	0123456789
24	13115436	Phan Thị Ngọc Trân	DH13GN			1	0.6	3.5	5.1	001234567890	0123456789
25	12153194	Đặng Minh Trọn	DH12CD			/	/	/	/	001234567890	0123456789
26	13138232	Trần Hữu Trọng	DH13TD			1	0.6	2.1	3.7	001234567890	0123456789
27	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT			1	0.4	4.9	6.3	001234567890	0123456789
28	14154157	Trần Văn Tuấn	DH14OT			-	-	-	-	001234567890	0123456789
29	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			1	1.2	2.8	5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04255



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu(207113) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/01/2016

Phòng Thi RD102

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
30	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			1	1	4.2	6.6	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

CBCT1

Cán Bộ Chấm Thi 1

CBCT2

Cán Bộ Chấm Thi 2

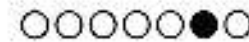
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			4,2	4,1		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			4	4		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118074	Võ Động Phạm Anh	DH13CC			3,3	4		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			3,7	3,6		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			3,8	4		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	13118174	Trương Chí Khang	DH13CK			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK			3,9	3,9		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC			2,9	3		5,9	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			3,9	3,6		7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	13118312	Bạch Huy Trí	DH13CK			3,7	3,9		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	13118319	Nguyễn Huy Trung	DH13CC			3,2	4,1		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK			4,1	3,9		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			3,8	4,1		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	13118347	Mai Hoài Tựu	DH13CC			3,4	3,9		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			4,1	3,8		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
16	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT			4,4	4,3		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
17	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			3,8	4,3		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT			4,1	4,3		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13154090	Vũ Văn Cường	DH13OT			3,4	4,3		7,7	○⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨⑪	⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨
20	13334209	Phạm Thành Tiến	CD13CI			2,8	3,5		6,3	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑪	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

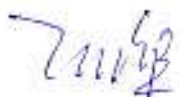
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Vũ Văn Cường


N. v. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			3,8	3,9		7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	13118017	Trần Văn Hiệu	DH13CK			3,5	4		7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			4,1	3,9		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			3,8	4,3		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118056	Võ Đức Tiến	DH13CC			4	4,3		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			4,1	3,9		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118109	Phạm Đại	DH13CC			2,7	3,9		6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	13118120	Trần Cu Được	DH13CC			3,8	4,5		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118147	Nguyễn Thái Hòa	DH13CK			4,2	4,5		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			4,2	3,9		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118197	Nguyễn Chí Linh	DH13CK			4,1	4		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13137112	Nguyễn Minh Quan	DH13NL			4,1	4,3		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL			3,7	3,5		7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13154046	Vân Vũ Hoàng Phúc	DH13OT			3,5	3,8		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT			3,8	3,8		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
16	13334018	Nguyễn Văn Cảnh	CD13CI			4,1	4,2		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13334070	Thái Minh Hiệp	CD13CI			4,3	4,2		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	13334077	Đường Khoa Học	CD13CI			3,6	4,2		7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334124	Đặng Thanh Nam	CD13CI			3,5	4,2		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
20	13334161	Đặng Chiêu Sinh	CD13CI			4,6	4,2		8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Thị Bích


N. V. Kiệp

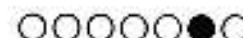
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			4,3	4,7		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			3,4	4,2		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	13118034	Nguyễn Minh Nhân	DH13CC			3,1	0		3,1	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC			3,7	4,2		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
5	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			4	2,7		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	13118152	Bùi Văn Hại	DH13CC			4,1	4,7		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			3,8	4,7		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			3,5	4,4		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC			3,8	4,4		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118308	Phạm Văn Trùng	DH13CC			3,9	4,2		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			3	4,4		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			3,5	4,7		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137003	Nguyễn Tuấn Tú	DH13NL			2,8	2,8		5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	13137073	Nguyễn Hồng Khang	DH13NL			3,3	3,3		6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
15	13137104	Nguyễn Tấn Phong	DH13NL			4	3,3		7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13137115	Phạm Mai Quỳnh	DH13NL			4	3,3		7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13137157	Đoàn Nhật Tú	DH13NL			4,1	3,3		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154075	Nguyễn Hồng Bảo	DH13OT			4,2	4,2		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154177	Đinh Mai Bắc Thái	DH13OT						lãng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154187	Phạm Trung Tín	DH13OT			4,3	3,9		5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

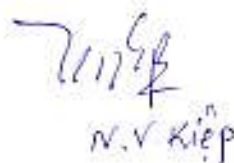
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Vũ Văn Kiệt


N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12344127	Võ Tà Mạnh	CD12CI			4,2	0		4,2	○○○1234567890	○○123456789
2	13118020	Nhữ Sỹ Hùng	DH13CK			4,3	4,6		5,9	○○○1234567890	○○123456789
3	13118021	Lương Phan Bá Khỏe	DH13CK			3,7	4,3		8,0	○○○1234567890	●123456789
4	13118058	Lê Quang Trọng	DH13CK			4,2	4,6		5,8	○○○1234567890	○○123456789
5	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC			3,8	4,6		8,4	○○○1234567890	○○123456789
6	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK			3,6	4,6		5,2	○○○1234567890	○○123456789
7	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			3,5	4,3		7,8	○○○1234567890	○○123456789
8	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK			3,6	4,3		7,9	○○○1234567890	○○123456789
9	13118163	Lâm Thái Hùng	DH13CK			4,2	4,6		5,8	○○○1234567890	○○123456789
10	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK			3,5	4,2		7,7	○○○1234567890	○○123456789
11	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK			3,6	4,6		8,2	○○○1234567890	○○123456789
12	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK			4,1	4,6		5,7	○○○1234567890	○○123456789
13	13118239	Huỳnh Vũ Phương	DH13CK			3,8	4,3		5,1	○○○1234567890	○○123456789
14	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC			3,8	4,6		8,4	○○○1234567890	○○123456789
15	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			3,9	4,6		5,5	○○○1234567890	○○123456789
16	13118343	Phạm Thanh Tùng	DH13CK			3	4,3		7,3	○○○1234567890	○○123456789
17	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			3,9	4,6		5,5	○○○1234567890	○○123456789
18	13137135	Trần Hoàng Thiên	DH13NL			2,6	4,2		6,8	○○○1234567890	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT			3,6	4,2		7,8	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	13334205	Võ Thái Thuận	CD13CI			4,2	C		4,2	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Võ Văn Tiến


N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118010	Lê Tiến Đạt	DH13CK			4	4,2		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK			3,8	4,2		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK			3,5	4,6		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			3,8	4,6		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118071	Mai Công Anh	DH13CK			3,5	4,2		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			4	4,2		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118091	Nguyễn Duy Cường	DH13CK			3,9	4,1		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118104	Nguyễn Đăng Dương	DH13CK			4,1	4,1		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK			3,9	4,1		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK			4,2	4,4		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK			4,3	4,1		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118214	Trần Hoài Nam	DH13CK			3,9	4,6		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	13118221	Võ Văn Nguyễn	DH13CK			3,7	3,6		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK			3,5	4,9		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC			3,3	4,2		7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	13118307	Nguyễn Triệu Tuấn	DH13CK			3,4	4,4		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
17	13118313	Đặng Xuân Trọng	DH13CK			3,8	4,1		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK			4,8	4,9		9,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118364	Trương Công Hoài Trung	DH13CK			4,2	4,4		8,6	○①①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK			3,5	4,6		6,1	○①①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2




N. V. Kiệp

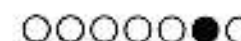
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 07

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154178	Phan Quốc Thái	DH12OT			3,4	3,4	6,8		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	13118015	Vũ Đình Hải	DH13CK			3,6	4,1	7,7		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	13118024	Ngô Minh Lan	DH13CK			3,7	4,1	7,8		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK			3,5	2,6	6,1		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118060	Phạm Quang Trung	DH13CK			3,4	4,4	7,8		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	13118064	Nguyễn Văn Tyl	DH13CK			4,2	4,5	8,7		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	13118135	Trần Tuấn Hiền	DH13CK			4	4,1	8,1		○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			3,8	3,9	7,7		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC					Vắng		●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118366	Lê Tấn Vũ	DH13CK					Vắng		●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13154018	Hồ Thanh Hết	DH13OT			3,5	2,8	6,3		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT			2,3	2,3	4,6		○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			4,1	3,8	7,9		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			3,1	3,8	6,9		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			3,9	3,3	7,2		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13154186	Lữ Minh Tiến	DH13OT			3,3	3,9	7,2		○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			3,9	1,9	5,8		○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	13334081	Nguyễn Bà Huy	CD13CI			3,8	2,9	6,7		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 07

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334117	Nguyễn Công Lục	CD13C1			3,6	4,4		8,0	00123456789	1123456789
20	13334179	Phan Văn Thánh	CD13C1			3,6	2,4		6,5	00123456789	1123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

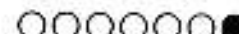
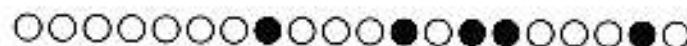
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


N. V. Kiệp


N. V. Kiệp



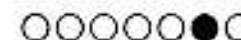
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118002	Đặng Ngọc ần	DH13CK			3,7	3,4		7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118008	Nguyễn Hoài Anh Duy	DH13CK			3,7	3,4		7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			3,4	1,9		5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK			3,4	3,5		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118112	Nguyễn Tiến Đại	DH13CK			4,1	4,4		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	13118140	Đặng Ngọc Hiệu	DH13CK			4	4,3		8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			3,7	4,3		8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118232	Bùi Tấn Phong	DH13CK			3,9	4,3		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK			3,9	3,8		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	13118279	Trương Quang Thanh	DH13CK			3,9	4,4		8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK			3,5	3,4		6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
12	13118310	Bùi Thanh Triền	DH13CK			3,7	1,9		5,6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK			3,9	3,4		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118359	Vũ Già Vỹ	DH13CK			3,6	2,9		6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
15	13137014	Lê Công Bảo	DH13NL			4,2	4		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT			4,2	4,5		8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
17	13154023	Nguyễn Thanh Minh Hoàng	DH13OT			3,8	4		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			3,7	4,5		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH130T			4	4,5		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH130T			3,7	4,5		8,2	○①①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2




N. V. Kiệp

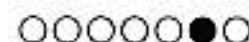
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	MA SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			3,3	3,8		7,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118054	Đoàn Văn Thọai	DH13CK			3,5	4,5		8,0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK			3,8	3,8		7,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
4	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK			3,3	2,8		6,1	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			3,4	4,5		7,9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
6	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			3,8	4,5		8,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
7	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK			3,8	4,5		8,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
8	13118269	Võ Minh Tây	DH13CK						Vắng	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			3,3	2,5		6,2	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137051	Nguyễn Hoàng Giang	DH13NL			4,2	3,9		8,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL			3,6	2,9		6,5	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL			4	4,4		5,4	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
13	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL			3,6	3,9		7,5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL			3,4	3,9		7,0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			3,4	3,8		7,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
16	13154056	Võ Hoàn Thuận	DH13OT			3,7	3,8		7,5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
17	13334016	Trần Thanh Bình	CD13CI			3,9	3,8		7,7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
18	13334025	Vì Văn Chương	CD13CI			4,4	3,8		8,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13334061	Nguyễn Thế Hiền	CD13CI			3,5	3,5		7,3	00123456789	0123456789
20	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			3,7	3,5		7,5	00123456789	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

T. V. Kiệp

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL			4,3	3,4		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
2	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL			4,1	3,9		8,0	○○○1234567●910	●123456789
3	13137015	Phạm Thái Minh	DH13NL			4,3	4,2		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
4	13137037	Trần Ngọc Duy	DH13NL			3,9	4,2		8,1	○○○1234567●910	○●123456789
5	13137045	Lâm Quốc Đạt	DH13NL			4,3	3,7		8,0	○○○1234567●910	●123456789
6	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL			3,9	3		6,9	○○○12345●78910	○12345678●
7	13137069	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13NL			3,9	4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●
8	13137076	Đỗ Đăng Khoa	DH13NL			3,4	3,6		7,0	○○○123456●8910	●123456789
9	13137085	Nguyễn Thanh Long	DH13NL			4,6	3,8		8,4	○○○1234567●910	○123●56789
10	13137097	Đặng Nguyễn	DH13NL			4,6	4,1		8,7	○○○1234567●910	○123456●89
11	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL			4,3	3,6		8,1	○○○1234567●910	○●123456789
12	13137110	Nguyễn Minh Phúc	DH13NL			3,6	4,3		8,1	○○○1234567●910	○●123456789
13	13137147	Phạm Thế Toán	DH13NL			4	4,1		8,1	○○○1234567●910	○●123456789
14	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL			4,1	3,6		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
15	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL			4,4	3,7		8,1	○○○1234567●910	○●123456789
16	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT			4	4,1		8,1	○○○1234567●910	○●123456789
17	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT			4,5	4,3		8,8	○○○1234567●910	○1234567●9
18	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT			4	4		8,0	○○○1234567●910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT			4,5	4,1		8,6	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨	① ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
20	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT			4	9,3		7,3	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

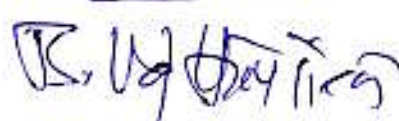
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 11

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK			2,9	2,3		5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
2	13137013	Đặng Hoài Bảo	DH13NL			3,6	4,1		7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
3	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL			3,5	4,3		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
4	13137055	Nguyễn Thanh Hiền	DH13NL			3,7	4,3		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137059	Nguyễn Ngọc Hoàn	DH13NL			3,8	3,8		7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
6	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL			3,8	4,1		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
7	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL			3,2	4,6		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
8	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL			3,5	4,3		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL			3,7	4,3		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL			3,6	2,8		6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
11	13137167	Nguyễn Thành Hưng	DH13NL			3,9	4,3		8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
12	13154001	Võ Trường An	DH13OT			3,9	4,6		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	13154012	Nguyễn Văn Điển	DH13OT			3,7	4,4		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154032	Trương Thành Long	DH13OT			4,2	4,6		8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
15	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT			4,2	4,4		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
16	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			4,1	4,4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
17	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			4,2	4,4		8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
18	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			3,7	4,4		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 11

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154205	Nguyễn Văn út	DH13OT			4	4,4		6,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	13334050	Nguyễn Tấn Đức	CD13CI			4	3,3		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hình ảnh:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

12
R. V. H. T. T.

N. S. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137002	Nguyễn Tấn Hậu	DH13NL			3,7	3,5		7,5	○○○123456●890	○1234●6789
2	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			3,7	2,8		6,5	○○○12345●7890	○1234●6789
3	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			3,6	2,8		6,4	○○○12345●7890	○123●56789
4	13137026	Nguyễn Minh Châu	DH13NL			3,7	3,7		7,4	○○○123456●890	○123●56789
5	13137029	Lê A	DH13NL			3,5	1,8		5,6	○○○1234●67890	○12345●789
6	13137041	Trần Ngọc Dũng	DH13NL			3,5	2,8		6,3	○○○12345●7890	○12●456789
7	13137058	Mai Hoàng Hiệp	DH13NL			3,4	3,5		7,2	○○○123456●890	○1●3456789
8	13137079	Phan Đặng Tuấn	DH13NL			3,6	3,3		6,9	○○○12345●7890	○12345678●
9	13137083	Chu Bá Hoàng	DH13NL			3,7	3,3		7,0	○○○123456●890	●123456789
10	13137096	Lưu Thiện Ngồn	DH13NL			4	3,7		7,7	○○○123456●890	○123456●89
11	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL			4	1,8		5,8	○○○1234●67890	○1234567●9
12	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL			3,5	3,7		7,2	○○○123456●890	○1●3456789
13	13137141	Trần Thắng Thuận	DH13NL			4,2	3,7		7,9	○○○123456●890	○12345678●
14	13137152	Trần Anh Trí	DH13NL			3,8	3,3		7,1	○○○123456●890	○●23456789
15	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL			3,6	3,2		6,8	○○○12345●7890	○1234567●9
16	13154006	Hoàng Minh Chương	DH13OT			4,3	2,3		6,6	○○○12345●7890	○12345●789
17	13154020	Đậu Ngọc Hiếu	DH13OT			4,1	3,3		7,4	○○○123456●890	○123●56789
18	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT			3,9	2,3		6,2	○○○12345●7890	○1●3456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154083	Phan Văn Châu	DH13OT						Văng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13334222	Từ Hữu Tri	CD13CI			3,3	2,8		6,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

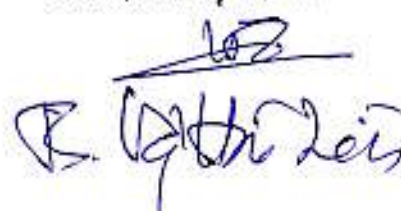
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2




N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 16

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT			3,6	3,5		7,4	○○○123456●8910	○123●56789
2	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT			3,4	3,5		7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
3	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			3,5	3,5		7,3	○○○123456●8910	○12●456789
4	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			3,9	4		7,9	○○○123456●8910	○12345678●9
5	13154055	Trương Ngọc Thuận	DH13OT			3,7	3		6,7	○○○12345●78910	○123456●89
6	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT			3,7	3,5		7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
7	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT			4,1	3,5		7,6	○○○123456●8910	○12345●789
8	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT			3,7	3,5		7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
9	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			3,6	3,5		7,1	○○○123456●8910	○●23456789
10	13154088	Đào Thế Cường	DH13OT			3,5	3,5		7,6	○○○123456●8910	○12345●789
11	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			3,8	4,3		8,1	○○○1234567●910	○●23456789
12	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT			3,5	4		7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
13	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT			4	4,3		8,3	○○○1234567●910	○12●456789
14	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT			4	4		8,0	○○○1234567●910	●123456789
15	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT			3,9	4,3		8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
16	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			3,6	4		7,6	○○○123456●8910	○12345●789
17	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT			3,7	4		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
18	13154166	Trần Văn Sáu	DH13OT			3,7	3,5		7,5	○○○123456●8910	○1234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công (207114) - 16

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT			4,1	4,3		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT			4,2	3,6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

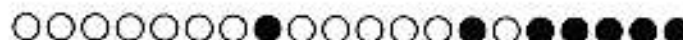
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
[Signature]

[Signature]
N. V. Kiệp



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD(207117) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 25%	D2 25%	D. Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334001	Võ Ngọc An	CD13CI		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	DH14TD			6,0	7,0	8,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154108	Đỗ Minh	DH13OT			8,6	7,5	6,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154087	Mã Nhật	DH12OT			3,8	4,0	6,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334079	Đình Lâm	Huy		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334114	Nguyễn Thành	Luân							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118208	Bùi Lương Bảo	Minh			8,0	9,5	4,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154020	Huỳnh Thanh	Phùng			7,2	6,0	8,0	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14138078	Võ Đại	Phước			6,6	7,0	7,0	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118045	Nguyễn Văn	Sang							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154051	Ngô Tấn	Tài			6,0	7,0	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334170	Tổng Minh	Tài			4,0	7,0	1,0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118282	Trần Nam	Thắng			7,8	8,5	9,0	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154053	Hà Chí	Thanh			6,8	8,0	6,0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334179	Phan Văn	Thành		CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04346



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm AutoCAD(207117) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ	
16	14154146	Nguyễn Trung	Thiên	DH14OT	} CT					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	13334236	Phạm Minh	Tử	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11151150	Vũ Duy	Tử	DH14OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
Tuyệt						1,4	0	5,0	2,9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
Ngày 14/01/2016						Ngày 2		Tháng 2		Năm 2016		

Xác nhận của Bộ Môn

hul
Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 1

TgM
 Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Valua
 Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD(207117) - CD13CI 01 - 001 CD13CI 01

Sổ Tín Chi 2

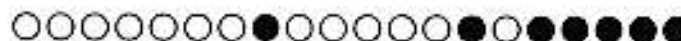
Ngày Thi: 14/01/2016

Phong Thi PV400B

Lớp **DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trade 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118009	Trần Tuấn An	DH12CK	An		6,8	7,0	8,0	7,5	001234567890	0123456789
2	14154091	Nguyễn Văn Hạnh	DH14OT	CT						001234567890	0123456789
3	13138067	Nguyễn Trung Hậu	DH13TD	CT						001234567890	0123456789
4	14111001	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT	Hoàng		6,6	1,0	7,5	5,7	001234567890	0123456789
		Nguyễn Văn Hùng	DH14OT	Hùng		2,6	0	5,0	3,2	001234567890	0123456789
6	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI	CT						001234567890	0123456789
7	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC	Lễ		1,2	0	5,0	2,8	001234567890	0123456789
8	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT	Linh		6,8	8,5	4,0	5,8	001234567890	0123456789
9	10154022	Nguyễn Văn Lực	DH10OT	Lực		3,2	0	2,0	1,8	001234567890	0123456789
10	11154045	Chu Đức Minh	DH11OT	CT						001234567890	0123456789
11	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK	CT						001234567890	0123456789
12	13334133	Lê Hữu Nhân	CD13CI	Nhân		4,2	8,0	5,0	5,6	001234567890	0123456789
13	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT	Phương		5,8	7,5	5,0	5,8	001234567890	0123456789
14	14118056	Đinh Hồng Quân	DH14CK	CT						001234567890	0123456789
15	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI	Tài						001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04191



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm AutoCAD(207117) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp DH12OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D. Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH12OT			8,2	7,0	3,5	5,6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
17	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DH12OT			5,6	6,0	5,0	5,4	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	13334205	Vô Thái	CD13CI							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	13334212	Lâm Quốc	CD13CI							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118359	Vũ Gia	DH13CK			8,4	8,5	6,5	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm AutoCAD(207117) - CD13CI 01 - 001 CD13CI 01

Số Típ Cb 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400B

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118006	Trần Quang	Chung	DH13CK						● @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154097	Hoàng Văn	Hòn	DH14OT		4,8	0	6,5	4,5	○ @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154099	Nguyễn Anh	Huy	DH14OT		7,8	6,0	4,5	5,7	○ @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334102	Phạm Trung	Kiên	CD13CI						● @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334113	Mai Vinh	Lợi	CD13CI						● @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154149	Võ Tấn	Nga	DH13OT						● @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14137051	Nguyễn Hữu	Nhất	DH14NL						● @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14137053	Lê Minh	Nhật	DH14NL						● @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154041	Vũ Văn	Phát	DH14OT		5,6	7,0	6,0	6,2	○ @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154187	Phạm Trung	Tân	DH13OT		6,8	8,0	1,0	4,2	○ @ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	@ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ông Trần Dũng

Nguyễn Hải Đăng

Le Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nền tảng AutoCAD(207117) - DH13CK 03 - 001 DH13CK 03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi: 14/01/2016

Phòng Thi **HD305**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ	
1	13118108	Lâm Hữu Nguyễn	Đan	DH13CK			8,2	9,0	8,0	8,3	001234567890	0123456789
2	13118010	Lê Tiên	Đạt	DH13CK			8,4	10	9,0	9,1	001234567890	0123456789
3	13118011	Trần Đức	Đạt	DH13CK			8,6	7,0	6,0	6,9	001234567890	0123456789
4	13118017	Trần Văn	Hiệu	DH13CK			8,6	10	8,0	8,7	001234567890	0123456789
5	13118140	Đặng Ngọc	Hiệu	DH13CK			7,0	10	9,5	9,0	001234567890	0123456789
6	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	DH13CK			7,8	9,5	5,5	7,1	001234567890	0123456789
7	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	DH13CK			6,4	9,5	6,0	7,0	001234567890	0123456789
8	12154032	Cao Văn	Hoan	DH12OT					CT	001234567890	0123456789	
9	13118159	Lưu Quốc	Huy	DH13CK			8,6	9,5	8,0	8,5	001234567890	0123456789
10	13118367	Huỳnh Đăng	Khoa	DH13CK			8,2	9,5	6,0	7,4	001234567890	0123456789
11	13118021	Lương Phan Bá	Khỏe	DH13CK			4,4	7,5	5,5	5,7	001234567890	0123456789
12	14138017	Trần Đức	Lâm	DH14TD			3,0	8,0	5,0	5,3	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

✓ Drama

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK 03 - 001 DH13CK 03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi HD305

Lớp **DH13CK** (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK			8,8	9,5	6,0	7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	13118174	Trương Chí Khang	DH13CK			8,8	10	9,0	9,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			4,0	2,0	6,5	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK			4,6	8,5	6,0	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT			4,2	3,0	6,0	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT						CT	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên	DH13CK						CT	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT			4,0	6,0	5,0	5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT			8,4	8,0	6,5	7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT						CT	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14138109	Nguyễn Thái Trường	DH14TD			4,8	8,5	8,0	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Môn Giáo dục
Trần Văn Hùng

Ng Hải Đăng

Ngày 2 tháng 1 năm 2024

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK 03 - 001 DH13CK 03

Số Tệp Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi HD305

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334042	Nguyễn Triệu Dương	CD13CI						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344127	Võ Tà Mạnh	CD12CI						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154052	Lê Trung Tả	DH13OT						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118259	Huỳnh Trọng Tài	DH13CK	<i>Tài</i>		8,6	9,0	6,5	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
5	13334171	Trần Tấn Tài	CD13CI						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334172	Nguyễn Minh Tâm	CD13CI						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT	<i>th</i>		4,6	8,5	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
8	13118054	Đoàn Văn Thoại	DH13CK	<i>Tho</i>		8,4	7,5	6,5	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
9	13118364	Trương Công Hoài	DH13CK						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK	<i>Tuấn</i>		4,6	5,0	8,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 1 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK 03 - 002 DH13CK 03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phong Thi PV219

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			8,2	8,5	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
2	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT			2,8	2,0	3,0	2,7	0012345678910	0123456789
3	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK			7,6	8,0	3,0	5,4	0012345678910	0123456789
4	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK						CT	0012345678910	0123456789
5	13154056	Võ Hoàn Thiện	DH13OT						CT	0012345678910	0123456789
6	13118291	Phạm Hữu Thương	DH13CK			8,2	10	6,0	7,6	0012345678910	0123456789
7	13118312	Bạch Huy Trí	DH13CK			7,6	10	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
8	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK			8	10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

Cán Hộ Chấn Thi :

Nguyễn Hải Đăng

Le Van Tuan

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK 03 - 002 DH13CK 03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phỏng Thi PV219

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	Đ. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118071	Mai Công Anh	DH13CK			9,0	10	8,5	9,0	0012345678●9	●123456789
2	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT			9,0	9,0	8,5	8,8	001234567●90	01234567●9
3	13154023	Nguyễn Thanh Minh	DH13OT			9,0	8,0	5,0	6,8	0012345●7890	01234567●9
4	12154166	Đình Văn Lợi	DH12OT			4,6	8,5	8,5	7,5	00123456●890	01234●6789
5	13118218	Lê Vũ Trường Ngọc	DH13CK			7,0	10	9,0	8,8	001234567●90	01234567●9
6	13118279	Trương Quang Thịnh	DH13CK			7,8	9,0	5,0	6,7	0012345●7890	0123456●89
7	13154185	Đình Ngọc Thúc	DH13OT						CT	●01234567890	0123456789
8	13118339	Nguyễn Minh Tuyển	DH13CK						CT	●01234567890	0123456789
9	13118064	Nguyễn Văn Ty	DH13CK			6,0	8,5	6,0	6,6	0012345●7890	012345●789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Các Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2.

Đặng Xuân Dũng

hi 1 
Nguyễn Hải Đăng

Khai
Tê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK_03 - 002_DH13CK_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV219

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154215	Bùi Đức Giang	DH12OT	<i>Giang</i>		3,6	9,5	8,0	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	11154007	Đặng Minh Hoàng	DH11OT						✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	12118212	Trần Tuấn Hưng	DH12OT	<i>Hưng</i>					CT	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	12118213	Trần Tuấn Hưng	DH12OT	<i>Hưng</i>		7,8	9,5	8,5	8,6	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	13118214	Trần Hoài Nam	DH13CK						CT	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	12118093	Dương Công Trạch	DH12CK						CT	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK	<i>NT</i>		3,8	7,0	7,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT	<i>Le</i>		4,2	5,0	5,0	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn *Le*

Cán Bộ Chấm Thi 1 *Ty*

Cán Bộ Chấm Thi 2 *Kalua*

Đặng Minh Hoàng

Ngô Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK 04 - 001 DH13CK 04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **14/01/2016**

Phòng Thi PV323

Lớp **DI130T (Công nghệ Kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25 %	D2 25 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT			0,2	8,0	1,0	2,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	14138003	Võng Cường	DH14TD			6,6	8,0	6,0	6,7	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	14153070	Mai Thạch Dũ	DH14CD			4,6	0	4,0	3,2	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14154016	Trần Thanh Tú	DH14OT			6,0	3,0	6,0	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			6,6	3,0	7,0	5,9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	14153016	Trần Dương Hoàn	DH14CD			8,2	8,0	9,0	8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
7	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH14OT			6,4	6,0	9,0	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD			5,4	4,0	7,0	5,9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD						CT	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD			3,4	0	7,0	4,4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153035	Đặng Thành Nghĩa	DH14CD						CT	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14138020	Lê Nghiễm	DH14TD			6,6	8,0	7,0	7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14153133	Nguyễn Văn Thuận	DH14CD			6,2	2,0	2,0	3,1	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04194



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi**Điểm thi học kỳ**

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: AutoCAD(207117) - DH13CK_04 - 001_DH13CK_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT	<i>Đi</i>		4,6	6,0	5,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
17	09154101	Nguyễn Thanh Triên	DH09OT17						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT	<i>Tuấn</i>		7,4	7,0	9,0	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13118062	Nguyễn Minh Tùng	DH13CK						CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Hải
Đặng Văn Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 1

T. Hải
Ngô Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Khai
Trần Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK_04 - 001_DH13CK_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118002	Đặng Ngọc ẫn	DH13CK	<i>ẫn</i>		6,8	7,5	9,0	8,1	○○○1234567●910	○●123456789
2	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK	<i>Bảo</i>		4,8	0	4,0	3,2	○○○12●45678910	○01●3456789
3	13118055	Nguyễn Văn Hòa	DH13CK	<i>Hòa</i>					CT	●○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○
4	13118055	Nguyễn Văn Hòa	DH13CK	<i>Hòa</i>		8,2	7,0	9,0	8,3	○○○○○○○○●○○○○○○	○○○○●○○○○○○○○
5	13118128	Tô Thị Thanh Trúc	DH13CK	<i>Trúc</i>		6,8	8,0	8,0	7,7	○○○○123456●8910	○○123456●89
6	13118105	Trần Văn Dương	DH13CK	<i>Dương</i>		4,6	0	5,0	3,7	○○○12●4○○○○78910	○○123456●89
7	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK	<i>Duy</i>		8,0	9,5	8,5	8,6	○○○1234567●910	○○12345●789
8	13118015	Võ Đình Hải	DH13CK	<i>Hải</i>		8,0	9,5	7,0	7,9	○○○123456●8910	○○12345678●9
9	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT						CT	●○○12345678910	○○123456789
10	13118153	Cao Thanh Huy	DH13CK						CT	●○○12345678910	○○123456789
11	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK	<i>Khánh</i>		5,6	8,0	4,0	5,4	○○○1234●678910	○○123●56789
12	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK	<i>Khôi</i>		6,8	9,0	4,0	6,0	○○○12345●78910	●123456789
13	13118024	Ngô Minh Lan	DH13CK	<i>Lan</i>		8,2	10	8,0	8,6	○○○1234567●910	○○12345●789
14	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK	<i>Nguyên</i>		5,8	0	8,0	5,5	○○○1234●678910	○○1234●6789
15	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK	<i>Quang</i>		5,6	6,5	6,0	6,0	○○○12345●78910	●123456789



Mã nhận dạng 04349



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK_04 - 001_DH13CK_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			6,0	6,5	2,0	4,1	001234567890	0123456789
17	13118275	Đặng Anh Thảo	DH13CK			8,0	9,5	8,0	8,4	001234567890	0123456789
18	13118276	Trần Trung Thuận	DH13CK			9,0	10	10	9,8	001234567890	0123456789
19	13118277	Nguyễn Văn Tuấn	DH13CK			9,0	9,0	9,0	9,0	001234567890	0123456789
20	13118278	Nguyễn Văn Tuấn	DH13CK						CT	001234567890	0123456789

Ngày in: 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 1 Năm 2016

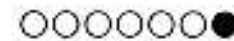
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK_04 - 001_DH13CK_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138002	Nguyễn Mạnh Cường	DH14TD	<i>Cường</i>		7,0	9,0	9,0	8,5	00123456789	0123456789
2	14138047	Lương Hồng Đông	DH14TD	<i>Đông</i>		6,6	5,0	6,0	5,9	00123456789	0123456789
3	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK						CT	00123456789	0123456789
4	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD	<i>Hiếu</i>		6,6	4,0	5,0	5,2	00123456789	0123456789
5	14138056	Vô Thành Hưng	DH14TD	<i>Thành</i>		6,4	9,5	7,0	7,5	00123456789	0123456789
6	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT	<i>Hưng</i>		7,8	10	8,5	8,7	00123456789	0123456789
7	14138064	Lê Đình Long	DH14TD						CT	00123456789	0123456789
8	14138070	Lê Thành Nghĩa	DH14TD	<i>Nghĩa</i>		8,0	10	8,0	8,5	00123456789	0123456789
9	13118219	Trịnh Đình Vũ	DH13CK						✓	00123456789	0123456789
10	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK	<i>Phi</i>		5,4	6,5	4,0	5,0	00123456789	0123456789
11	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK	<i>Phi</i>		5,0	9,5	6,0	6,6	00123456789	0123456789
12	13154165	Nguyễn Duy Quyền	DH13OT						CT	00123456789	0123456789
13	13118249	Tạ Văn Quyền	DH13CK	<i>Quyền</i>		5,6	6,5	6,0	6,0	00123456789	0123456789
14	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD	<i>Sơn</i>		6,0	4,0	5,0	5,0	00123456789	0123456789
15	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD	<i>Thân</i>		5,0	7,0	3,5	4,8	00123456789	0123456789



Mã nhận dạng 04274



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm AutoCAD(207117) - DH13CK_04 - 001_DH13CK_04

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	P.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			8,0	10	8,5	8,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨
17	14138031	Tổng Ngọc Anh	DH14TD			8,0	9,5	7,5	8,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨	⑩ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	13118290	Phạm Quốc	DH13CK			7,6	7,5	9,0	8,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨	⑩ ① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	14138106	Nguyễn Trọng	DH14TD						CT	● ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14153138	Phan Văn	DH14CD						CT	● ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Ngô Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tiến